TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2020/QĐST-HNGĐ	*Hương T, ngày 01 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 87/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 7, phường Thủy D, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Lê Trần Linh Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 7, phường Thủy D, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh Q và chị Lê Trần Linh Đ đăng ký kết hôn ngày 13/6/2014, tại Ủy ban nhân dân phường Thủy D, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện, thời điểm đăng ký kết hôn có đủ điều kiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân anh Q và chị Đ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung phát sinh những vấn đề mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay tranh cãi lẫn nhau nên từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị Đ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh Q và chị Lê Trần Linh Đ công nhận vợ chồng có 01 người con chung tên là Nguyễn Thanh Nhã U, sinh ngày

28/12/2014. Anh Q và chị Đ thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thanh Nhã U cho chị Lê Trần Linh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi đủ tuổi thành niên; anh Nguyễn Thanh Q cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh Nhã U mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Thanh Q và chị Lê Trần Linh Đ đăng đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Thanh Q và chị Lê Trần Linh Đ đăng thỏa thuận, anh Q nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, chị Đ nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh Q và chị Lê Trần Linh Đ thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thanh Nhã U, sinh ngày 28/12/2014 cho chị Lê Trần Linh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Thanh Q cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh Nhã U mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Lê Trần Linh Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Thanh Q không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Thanh Q và chị Lê Trần Linh Đ đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh Q và chị Lê Trần Linh Đ mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005649 ngày 15/6/2020 và AA/2016/0001105 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H. Anh Nguyễn Thanh Q và chị Lê Trần Linh Đ đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu ;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã H;
- UBND phường Thủy D, thị xã H;

(Đăng ký kết hôn ngày 13/6/2014)
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu văn thư.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng